

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 21 – 02 – 2024
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2023/TLPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 235/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Triệu Văn H, sinh năm 1945; Địa chỉ: Số D, khóm D, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Điện E, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số F, đường số B, khóm C, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1

Địa chỉ: A T, quận H, TP ., Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Kiều D – Trưởng phòng bán lẻ; Văn bản ủy quyền số 639/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 09/6/2023 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Kiều C, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số F, đường số B, khóm C, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số I khóm K, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Ông Lý Vũ Đ, sinh năm 1949. Địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Triệu Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Triệu Văn H trình bày: Vào khoảng năm 1994-1995, ông H có nhận chuyển nhượng từ ông Lý Vũ Đ diện tích đất 10.000m² tại khóm C, xã H (nay là phường N), thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu. Vị trí đất hướng đông giáp ranh phần đất 02 hecta ông H đã chuyển nhượng cho Lý Quốc B; Hướng Tây giáp đất Nguyễn Chí L (đã chuyển nhượng cho Trần Văn Ú đang sử dụng); Hướng Bắc giáp mặt tiền kênh II và lộ xi măng; Hướng Nam giáp kênh ranh. Khi mua giữa hai bên có làm Đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất ngày 17/10/1996 và được ủy ban nhân dân phường xác nhận vào ngày 03/03/1999 cùng Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 03/3/1999. Khi nhận chuyển nhượng thì ông Đ được nhà nước cấp Sổ kê khai diện tích tính thuế, thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất số sổ 68/SDĐ ngày 27/7/1995 thể hiện có diện tích đất 10.000m² tại số thửa 102 tại khóm C, xã H (nay là phường N), thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H có đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được trả lời là đất thuộc khu đất 70ha thuộc khóm C - phường N đang được thanh tra nên đến nay ông H vẫn chưa được cấp sổ đỏ. Do từ năm 1999 ông H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị treo đến năm 2009 ông H mới được trả lại hồ sơ xin cấp sổ đỏ nên không có đứng tên trên sổ địa chính hay mục kê gì tại địa phương.

Khi nhận chuyển nhượng thì ông Đ có chỉ đất thực tế cho ông H và có cắm 04 cột xi măng bao quanh diện tích đất. Do ông H không có nhu cầu sử dụng ngay nên ông chỉ lo làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng đất giao cho gia đình ông Đ quản lý, sử dụng tuy nhiên đến năm 2017 ông H mới biết đất của ông lại do ông T quản lý sử dụng và đã chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Điện E. Ông H có hỏi ông Đ sao lại để đất của ông cho ông T quản lý sử dụng thì ông Đ bị bệnh nằm liệt giường, con của ông Đ nói do lo chăm cha bệnh nên để đất trống nên không hiểu vì sao ông T sử dụng đất này. Nay ông H yêu cầu ông Huỳnh Điện E tự tháo dỡ các tài sản và trả lại cho ông quyền sử dụng diện tích đất 10.000m² tại thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Điện E trình bày: Năm 2016, Ông và vợ là bà Lê Thị Kiều C có nhận chuyển nhượng diện tích đất 10.000m² tại thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu từ ông Nguyễn Minh T. Vợ chồng ông đã được chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/9/2016. Khi nhận chuyển nhượng là đất nuôi trồng thủy sản do ông T sử dụng và sau khi chuyển nhượng thì vợ chồng ông đã nhận đất, đã xây

dựng khu nuôi tôm công nghệ cao và hệ thống điện năng lượng mặt trời và sử dụng ổn định cho đến nay thì ông H có tranh chấp. Hiện nay diện tích đất này ông Điện E đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 – Chi nhánh B2. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì đất là của vợ chồng ông mua hợp pháp. Nếu ông H muốn đòi đất thì đòi ông T và những người chủ đất cũ chứ không phải vợ chồng ông, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày: Vào năm 2007, ông T nhận chuyển nhượng 10.000m² tại thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu từ bà Dương Ngọc X, khi nhận chuyển nhượng thì bà X đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định đến khi chuyển nhượng lại cho ông, sau khi chuyển nhượng ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng toàn bộ diện tích đất này dùng để nuôi tôm cho đến khi chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông Huỳnh Điện E và bà C là vợ ông E vào năm 2016. Từ năm 2016 đến nay ông Điện E sử dụng toàn bộ diện tích đất này, thủ tục chuyển nhượng đất đã hoàn tất. Phần đất ông T chuyển nhượng cho ông E có vị trí Phía đông giáp đất vuông của ông Lê Quốc B1; Phía tây giáp đất vuông ông Trần Văn Ú; Phía nam giáp phần đất của anh T1 (họ tên cụ thể không biết); Phía Bắc giáp con lộ đất (bây giờ là lộ dal) và kênh II. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông H, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Vũ Đ trình bày: Nguồn gốc diện tích đất ông Đ chuyển nhượng cho ông H là ông Đ mua từ cán bộ xã (thời gian đã lâu nên không xác định được) 03 hecta. Do chính sách của Nhà nước 03 hecta đã vượt hạn mức nên Nhà nước thu hồi 02 hecta giao cho ông T2 Nên. Sau đó ông N đã bán 02 hecta này lại cho ông H. Ông Đ còn lại 01 hecta thì được Nhà nước cấp sổ kê khai diện tích tính thuế thu nhập sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất cho ông Lý Vũ Đ ngày 27/7/1995. Năm 1999, ông Đ chuyển nhượng 10.000m² được cấp này cho ông Triệu Văn H và giao sổ cho ông H giữ. Hiện nay, ông Đ không còn đất tại khóm C, phường N, thành phố B. Khi bán đất thì ông Đ đã giao đất cùng sổ kê khai diện tích tính thuế thu nhập thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất cho ông Lý Vũ Đ ngày 27/7/1995 cho ông H, ông Đ không xác định được diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông H hiện nay thuộc thửa đất số mấy, đồng thời do quá trình sử dụng đất từ khi chuyển nhượng đến nay đã lâu nên vị trí đất hiện nay như thế nào thì ông Đ không xác định được, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C1 trình bày: Ông Huỳnh Điện E và Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh B2 có ký kết Hợp đồng thế chấp số BL-39-097/2016-HĐTC/NHCT862 ngày 28/10/2016, tài sản thế chấp là 10.000m² thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Từ khi giao dịch với Ngân hàng thì ông Huỳnh Điện E luôn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ nên Ngân hàng không có ý kiến gì trong vụ án này, nên có xảy ra tranh chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu ở

vụ án khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn H đối với ông Huỳnh Điện E về việc yêu cầu ông Huỳnh Điện E tự tháo dỡ các tài sản và trả lại cho ông H quyền sử dụng diện tích đất 10.000m² thuộc thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn ông Triệu Văn H kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn H và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Triệu Văn H và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lý Vũ Đ vắng mặt không có lý do; nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Triệu Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hiện trạng phần đất tranh chấp: Tại Biên bản về việc không xem xét, thẩm định và đo đạc được tài sản ngày 14/10/2021 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án của ông Huỳnh Điện E không đồng ý cho tiến hành xem xét, thẩm định tài

sản tranh chấp, nên không thể tiến hành xem xét, thẩm định và đo đạc phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, căn cứ Văn bản số: 527/UBND-TH ngày 01/11/2022, của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B xác định phần đất tranh chấp diện tích 10.000m² hiện do ông Huỳnh Điện E và vợ là bà Lê Thị Kiều C quản lý, sử dụng; hướng Đông giáp thửa đất số 76 + 95 + 108 (ông Trần Văn Ú); hướng Tây giáp thửa đất số 56 + 69 + 97 (bà Lý Tú D1), hướng Nam giáp thửa đất số 123 + 117 (Q), hướng Bắc giáp đường bê tông thửa đất số 55 + 68 + 96, tờ bản đồ số 12, tên kê khai ông Nguyễn Minh T (theo hệ thống bản đồ năm 2016).

[4] Đối với các tài sản trên đất tranh chấp do không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được; tuy nhiên theo sự trình bày của các đương sự và Văn bản trả lời của Điện Lực thành phố B, có cơ sở xác định trên đất tranh chấp hiện do ông E, bà C sử dụng nuôi trồng thủy sản và có lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp nguyên đơn xác định vào năm 1995, ông H nhận chuyển nhượng diện tích đất 10.000m² số hiệu thửa số 102 theo sổ kê khai diện tích tính thuế, thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất số sổ 68/QĐĐ do UBND xã H cấp cho ông Lý Vũ Đ vào ngày 27/7/1995, đất tại khóm C, xã H, thị xã B (nay là phường N, thành phố B), tỉnh Bạc Liêu. Phía bị đơn ông E xác định nguồn gốc đất do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh T vào năm 2016, ông T có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi chuyển nhượng đất, vợ chồng ông đã chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/9/2016 và sử dụng đến nay.

[6] Xét Sổ kê khai diện tích tính thuế, thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất số sổ: 68/SDĐ tên chủ hộ Lý Vũ Đức, địa chỉ ấp C, xã H, thị xã B, tỉnh Minh Hải, do UBND xã H cấp ngày 27/7/1995 thể hiện số hiệu thửa là 102; Đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất ngày 03/3/1999; Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 03/3/1999 (bản sao); Tờ trình ngày 03/3/1999; Biên bản xác minh đề nghị không đề ngày; Đơn xin đăng ký biến động đất đai ngày 02/3/1999 đều dựa trên Sổ kê khai diện tích tính thuế, thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất số sổ 68/SDĐ không thuộc một trong các loại giấy tờ được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất Đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[7] Xét ý kiến của người làm chứng ông Lê Quốc B1 cho rằng: Ông Lý Vũ Đ được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) có Quyết định cấp đất nhưng căn cứ Công văn số 564/UBND-Th ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân phường N và Công văn số 823/UBND-NC ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B đều xác định không tìm thấy Quyết định cấp diện tích đất 10.000m² cho ông Lý Vũ Đ, ông Đ hay ông H đều không có Quyết định cấp đất này, nên không có cơ sở xác định ông Lý Vũ Đ được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[8] Xét vị trí tứ cạnh do ông H cung cấp đối với phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Lý Vũ Đ và hiện trạng phần đất tranh chấp hiện nay cũng không phù hợp với nhau. Căn cứ Công văn số 86/CNVPĐKĐĐ, ngày 13/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định, đối với thông tin số hiệu thửa của sổ kê khai diện tích tính thuế, thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất số sổ: 68/QĐĐ thì Chi nhánh không lưu đối với loại sổ này, nên không có cơ sở xác định phần diện tích đất theo số hiệu trên thuộc thửa đất số mấy hiện nay, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định phần đất mà ông Lý Vũ Đ được quản lý sử dụng bằng số hiệu thửa 102 có phải là phần đất tranh chấp hiện nay hay không.

[9] Trong khi đó, tại Văn bản số 527/UBND-TH ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B xác định phần đất tranh chấp diện tích 10.000 m² hiện do ông Huỳnh Điện E và vợ là bà Lê Thị Kiều C tên kê khai ông Nguyễn Minh T (theo hệ thống bản đồ năm 2016), có nguồn gốc là tách từ thửa 241, tờ bản đồ số 5 được thành lập năm 1996, theo bản đồ địa chính là do Phường quản lý. Đồng thời căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh T và Văn bản số 959/CNVPĐKĐĐ ngày 25/7/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp thửa đất 948 là thửa số 1442 là cùng vị trí thửa đất, phù hợp với lời khai của ông T và Điện E về nguồn gốc đất tranh chấp, nên có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh T và ông T đã chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Điện E đúng quy định của pháp luật.

[10] Xét quá trình sử dụng đất: Ông H xác định ông có sử dụng phần đất tranh chấp khoảng 02 đến 03 tháng, sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Đ, sau đó ông đã giao lại cho ông Đ quản lý sử dụng; còn ông Đ trình bày đã giao đất cho ông H từ khi chuyển nhượng đến nay, ông không có quản lý sử dụng. Xét thấy, từ lời trình bày trên có cơ sở xác định ông H và ông Đ đều không quản lý, sử dụng phần đất chuyển nhượng từ năm 1995 cho đến nay. Bên cạnh đó, phần đất tranh chấp đã được nhiều người quản lý sử dụng từ năm 1999 gồm ông Nguyễn Hoàng D2, bà Hồ Thị L1, bà Châu Phương K, bà Dương Ngọc X, ông Nguyễn Minh T và hiện tại là ông Huỳnh Điện E; phần đất tranh chấp đã được chuyển nhượng qua rất nhiều người và được sử dụng ổn định đến năm 2021 thì ông H mới khởi kiện đòi đất ông E.

[11] Từ những phân tích trên thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ mà ông H đưa ra không chứng minh được đối với thửa đất có số hiệu thửa là 102 mà ông H nhận chuyển nhượng từ ông Lý Vũ Đ có phải là phần đất tranh chấp hay không; ông H không chứng minh được ông có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp, đồng thời ông H cũng không chứng minh được ông có quá trình quản lý, sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông Điện E và bà C trả lại quyền sử dụng diện tích đất 10.000m² thuộc thửa số 1442, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn H; có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Văn H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí, nên được chấp nhận miễn án phí.

[14] Các phần quyết định các của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn H đối với ông Huỳnh Điện E về việc yêu cầu ông Huỳnh Điện E tự tháo dỡ các tài sản và trả lại cho ông H quyền sử dụng diện tích đất 10.000m² thuộc thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ông Triệu Văn H phải chịu là 766.000 đồng, ông H đã nộp xong.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm Ông Triệu Văn H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng